

Số: 226/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 23 tháng 9 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh, phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2024

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
KHÓA XIV - KỲ HỌP THỨ 21

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư 76/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét Tờ trình số 2732/TTr-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2024; Báo cáo thẩm tra số 130/BC-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh và phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2024:

1. Điều chỉnh giảm dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh đã phân bổ cho các đơn vị, địa phương: 221.842 triệu đồng do thực hiện tiết kiệm chi, đơn vị không còn nhu cầu hoặc không có khả năng thực hiện, gồm:

a) Nguồn cân đối ngân sách cấp tỉnh đã phân bổ của 20 đơn vị dự toán cấp tỉnh: 112.972 triệu đồng (*Chi tiết theo Phụ biểu số 01*).

b) Nguồn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh Quảng Ninh bù mặt bằng chi thường xuyên đã phân bổ cho các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các địa phương tại Nghị quyết số 216/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh: 108.870 triệu đồng.

2. Bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển khác ngân sách cấp tỉnh từ nguồn điều chỉnh giảm tại khoản 1 Điều này để ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để thực hiện cho vay đối với người chấp hành xong án

phạt tù theo Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ: 4.000 triệu đồng.

3. Bố trí kinh phí khắc phục hậu quả bão số 3, mưa, lũ sau bão và thực hiện các chính sách an sinh xã hội: 1.000.000 triệu đồng, từ các nguồn:

a) Nguồn cân đối ngân sách cấp tỉnh: 397.230 triệu đồng.

- Từ nguồn điều chỉnh giảm kinh phí đã phân bổ cho các đơn vị, địa phương tại khoản 1 Điều này: 217.842 triệu đồng.

- Từ nguồn kinh phí chưa phân bổ của ngân sách cấp tỉnh: 179.388 triệu đồng (*Chi tiết theo phụ biểu số 02*).

b) Nguồn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu bù mặt bằng chi thường xuyên còn lại chưa phân bổ tại Nghị quyết số 216/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh: 602.770 triệu đồng.

Dự kiến các nội dung chi từ Kinh phí khắc phục hậu quả bão số 3, mưa, lũ sau bão và thực hiện các chính sách an sinh xã hội theo Phụ biểu số 03.

4. Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh sau điều chỉnh: 19.888.658 triệu đồng (không thay đổi), trong đó: (i) Chi đầu tư phát triển khác: 477.016 triệu đồng (tăng 4.000 triệu đồng); (ii) Chi thường xuyên: 5.209.716 triệu đồng (giảm 4.000 triệu đồng).

(Chi tiết theo các biểu của Nghị định số 31/2017/NĐ-CP của Chính phủ).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Hội đồng nhân dân, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tính đầy đủ, khách quan, chính xác của các thông tin, số liệu, nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh; chủ động, tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát đảm bảo kinh phí sử dụng đúng mục đích, tiến độ, đảm bảo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý và sử dụng tài sản công và các quy định của pháp luật có liên quan.

Ủy ban nhân dân tỉnh chủ động phân bổ chi tiết nguồn kinh phí khắc phục hậu quả bão số 3, mưa, lũ sau bão và thực hiện các chính sách an sinh xã hội, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả phân bổ tại kỳ họp gần nhất. Khẩn trương phân bổ nhằm đáp ứng ngay các nhu cầu chi theo các chính sách do Trung ương, tỉnh đã ban hành và ban hành tại Kỳ họp thứ 21 của Hội đồng nhân dân tỉnh, đảm bảo các quy định của pháp luật, công khai minh bạch, không để xảy ra việc trục lợi chính sách. Đồng thời, tiếp tục chỉ đạo rà soát các nguồn bổ sung có mục tiêu của Trung ương, nguồn thường vượt thu, nguồn kết dư ngân sách, nguồn cơ cấu chi thường xuyên và các nguồn kinh phí khác còn lại để có phương án phân bổ dứt điểm tại Kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIV, Kỳ họp thứ 21 thông qua ngày 23 tháng 9 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBTV Quốc hội; Chính phủ (b/c);
- Ban CTĐB của UBTV Quốc hội (b/c);
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Kiểm toán nhà nước;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ và tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm Truyền thông tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ8.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Vi Ngọc Bích

ĐIỀU CHỈNH GIÁM DUY TOÁN CHI ĐÃ PHÂN BỐ CHO CÁC CƠ QUAN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 226/NQ-HĐND ngày 23/09/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
	TỔNG CỘNG	112.972
1	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	4.130
2	Sở Tư Pháp	1.105
3	Sở Giao thông Vận tải	30.676
4	Sở Y tế	45.626
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	289
6	Sở Thông tin và Truyền thông	2.054
7	Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư	1.250
8	Hội Chữ thập đỏ	53
9	Liên minh Hợp tác xã	61
10	Hội Văn học Nghệ thuật	30
11	Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật	217
12	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	1.950
13	BCH Tỉnh đoàn	405
14	Hội Nông dân	10.000
15	Trường Cao đẳng Việt Hàn	8.384
16	Trường cao đẳng Y tế	766
17	Liên đoàn Lao động tỉnh	51
18	Cục Hải quan tỉnh	22
19	Bệnh viện Việt Nam - Thụy Điển	5.153
20	Sở Ngoại vụ	750

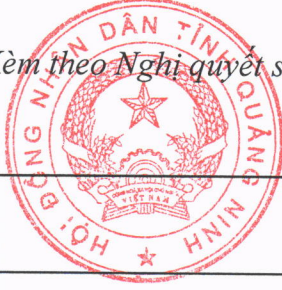
ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI CHƯA PHÂN BỐ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2024(Kèm theo Nghị quyết số **226**/NQ-HĐND ngày 23/09/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
I	TỔNG CỘNG	179.388
1	KP thực hiện Nghị quyết hỗ trợ với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc thường xuyên tại một số địa bàn thuộc tỉnh Quảng Ninh	31.000
2	KP trợ cấp Tết	45.180
3	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ an sinh xã hội, phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh	103.208

**DỰ KIẾN SỬ DỤNG KINH PHÍ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ BÃO SỐ 3, MƯA LŨ SAU
BÃO VÀ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI**

(Kèm theo Nghị quyết số 226/NQ-HĐND ngày 23/09/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)



ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	KINH PHÍ DỰ KIẾN
	TỔNG CỘNG	1.000.000
1	Hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh	74.435
2	Bổ sung kinh phí chính sách trợ giúp xã hội với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh	30.000
3	Hỗ trợ thiệt hại nặng về nhà ở do bão số 3 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	97.600
4	Hỗ trợ một phần chi phí trực vớt phương tiện sản xuất là tàu, thuyền đăng ký tại Quảng Ninh bị chìm do cơn bão số 3 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	500
5	Bổ sung nguồn vốn ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH Quảng Ninh thực hiện chính sách cho vay bổ sung khôi phục phát triển sản xuất, hỗ trợ lãi suất vay của khách hàng có dư nợ tại NHCSXH bị thiệt hại của bão số 3 và mưa lũ sau bão	210.000
6	Chính sách khoan nợ cho khách hàng vay vốn tại các TCTD bị thiệt hại do cơn bão số 3 theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2013 và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2016 của Chính phủ	60.000
7	Thực hiện các chính sách quy định tại NĐ số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai; Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 quy định chính sách trợ giúp xã hội với đối tượng bảo trợ xã hội; Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 về cơ chế chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh,...và các NQ Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành	150.000
8	Hỗ trợ các cơ quan, đơn vị, địa phương sửa chữa trụ sở, cơ sở hoạt động, kết cấu hạ tầng thiệt hại do bão số 3 gây ra	200.000
9	Dự nguồn cho các chính sách hỗ trợ dự kiến ban hành tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp theo (Chính sách hỗ trợ theo Quyết định số 118/2007/QĐ-TTg ngày 25/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ ngư dân khắc phục rủi ro do thiên tai trên biển;...)	177.465

[Signature]

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 226/NQ-HĐND ngày 23/09/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán tại Nghị quyết số 216	Điều chỉnh dự toán	Dự toán sau điều chỉnh
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	33.955.821		33.955.821
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	31.593.626		31.593.626
II	Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	1.436.342		1.436.342
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách			
2	Thu bổ sung có mục tiêu	1.436.342		1.436.342
V	Nguồn cải cách tiền lương	925.853		925.853
B	TỔNG CHI NSDP	33.921.221		33.921.221
I	Tổng chi cân đối NSDP	32.354.952	-	32.354.952
1	Chi đầu tư phát triển	16.208.521	4.000	16.212.521
2	Chi thường xuyên	15.055.631	(4.000)	15.051.631
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	8.200		8.200
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.600		1.600
5	Dự phòng ngân sách	650.000	-	650.000
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	431.000		431.000
II	Chi từ nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu	1.436.342		1.436.342
1	Bổ sung vốn đầu tư	430.720		430.720
2	Bổ sung vốn sự nghiệp	1.005.622		1.005.622
III	Chi bổ sung mục tiêu ngân sách cấp dưới	129.927		129.927
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	34.600		34.600
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP	34.600		34.600



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2024
(Kèm theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 23/09/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán tại Nghị quyết số 216	Điều chỉnh dự toán	Dự toán năm 2024 sau điều chỉnh
	TỔNG CHI NSDP	33.955.821		33.955.821
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	32.354.952	0	32.354.952
I	Chi đầu tư phát triển	16.208.521	4.000	16.212.521
1	Chi đầu tư công	15.735.415		
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			
3	Chi đầu tư phát triển khác (chi hỗ trợ hoạt động tín dụng nhà nước)	473.106	4.000	477.106
II	Chi thường xuyên	15.055.631	(4.000)	15.051.631
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	5.208.877	59.234	5.268.111
2	Chi khoa học và công nghệ	126.754		126.754
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	8.200		8.200
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.600		1.600
V	Dự phòng ngân sách	650.000	0	650.000
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	431.000		431.000
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	1.436.342		1.436.342
I	Bổ sung vốn đầu tư	430.720		430.720
II	Bổ sung vốn sự nghiệp	1.005.622		1.005.622
C	CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	129.927		129.927
G	CHI TRẢ NỢ GỐC	34.600		34.600

7



BIỂU SỐ 33-NĐ31

Đơn vị tính: Triệu đồng

[illegible]

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH THEO LĨNH VỰC NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 23/09/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán tại Nghị quyết số 216	Điều chỉnh dự toán	Dự toán năm 2024 sau điều chỉnh
	TỔNG CHI NSĐP	22.891.445		22.891.445
A	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	3.132.714		3.132.714
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH THEO LĨNH VỰC	18.287.789		18.287.789
I	Chi đầu tư phát triển	12.264.616	4.000	12.268.616
1	Chi đầu tư công	11.791.510		11.791.510
2	Chi đầu tư phát triển khác (chi hỗ trợ hoạt động tín dụng nhà nước)	473.106	4.000	477.106
II	Chi thường xuyên	5.213.716	(4.000)	5.209.716
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.061.211	59.234	1.120.445
2	Chi khoa học và công nghệ	126.754		126.754
3	Chi an ninh - quốc phòng	217.445	(100)	217.345
4	Chi y tế, dân số và gia đình	1.342.550	(52.729)	1.289.821
5	Chi văn hóa thông tin, phát thanh, truyền hình, thông tấn, thể dục thể thao	301.660	(40)	301.620
6	Chi bảo vệ môi trường	43.630		43.630
7	Chi các hoạt động kinh tế	830.319	(136.370)	693.949
8	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	872.200	40.425	912.625
9	Chi bảo đảm xã hội	278.748	85.580	364.328
10	Chi thường xuyên khác	139.199	0	139.199
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	8.200		8.200
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.600		1.600
V	Dự phòng ngân sách	368.657		368.657
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	431.000		431.000
C	CHI TỪ NGUỒN NSTW BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU	1.436.342		1.436.342
D	TRẢ NỢ GỐC	34.600		34.600



DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH THEO LĨNH VỰC NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 216/NQ-HĐND ngày 23/09/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán tại Nghị quyết số 216	Điều chỉnh	DỰ TOÁN NĂM 2024								Ghi chú
				Tổng, trong đó:	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi quốc phòng	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	
	TỔNG SỐ	5.213.716	(4.000)	5.209.716	1.120.445	176.578	1.289.821	63.784	693.949	912.625	364.328	
	<i>Trong đó:</i>											
1	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	76.533	(4.130)	72.403					6.523	65.880		
2	Sở Tư pháp	20.115	(1.105)	19.010					-	12.125	6.885	
3	Sở Giao thông Vận tải	111.568	(30.676)	80.892					44.012	35.727	1.153	
4	Sở Y tế	1.197.557	(45.626)	1.151.931			1.135.485			14.998	1.448	
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	14.341	(289)	14.052						14.052		
6	Sở Ngoại vụ	10.003	(750)	9.253		230			-	9.023		
7	Sở Thông tin và Truyền thông	42.640	(2.054)	40.586				11.933	9.902	18.669	82	
8	Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư	11.134	(1.250)	9.884					9.884			
9	Hội Chữ thập đỏ	3.975	(53)	3.922						3.922		
10	Liên minh Hợp tác xã	5.413	(61)	5.352						5.352		
11	Hội Văn học Nghệ thuật	6.700	(30)	6.670						6.670		
12	Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật	4.178	(217)	3.961						3.961		
13	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	26.480	(1.950)	24.530			24.530					
14	Ban chấp hành Tỉnh đoàn	18.970	(405)	18.565				4.558	-	12.691	1.316	
15	Hội Nông dân	20.319	(10.000)	10.319						9.724	595	
16	Trường cao đẳng Việt Hàn	45.244	(8.384)	36.860	28.174				-		8.686	
17	Trường cao đẳng Y tế	3.960	(766)	3.194	3.194							
18	Liên đoàn lao động tỉnh	4.061	(51)	4.010	195						3.815	
19	Cục Hải quan tỉnh	898	(22)	876						660	216	
20	Bệnh viện Việt Nam - Thụy Điển	6.198	(5.153)	1.045			1.045					

Handwritten signature in blue ink.

[illegible]